

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1270**/UBND-NNTN

Kon Tum, ngày **24** tháng 5 năm 2018

V/v đẩy nhanh tiến độ và báo cáo kết quả các nhiệm vụ về quản lý đất đai theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP và Nghị quyết số 112/2015/QH13 của Quốc hội

Kính gửi:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 2427/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 15/5/2018 về việc đẩy nhanh tiến độ và báo cáo kết quả hoàn thành các nhiệm vụ về quản lý đất đai theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị quyết số 112/2015/QH13 của Quốc hội, UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Thuế tỉnh, UBND các huyện, thành phố có liên quan và các công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn ưu tiên nguồn lực, tập trung chỉ đạo, chủ động phối hợp để nhanh chóng hoàn thành việc phê duyệt phương án sử dụng phần đất các công ty giữ lại; hoàn thành thủ tục cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các công ty nông, lâm nghiệp. Tập trung nguồn lực cho công tác đo đạc, rà soát đất đai, xử lý các tồn tại, vướng mắc để xây dựng và triển khai thực hiện phương án sử dụng quỹ đất các công ty nông, lâm nghiệp, các nông, lâm trường bàn giao cho địa phương trong quá trình rà soát, sắp xếp.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan kiểm tra, tổng hợp tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường các nội dung tại mục 2 và 3 Công văn số 2427/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 15/5/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (kèm theo phụ lục biểu tổng hợp báo cáo). Thời gian hoàn thành trước ngày 15/6/2018.

UBND tỉnh báo đề Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan biết, thực hiện ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT-NNTN

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

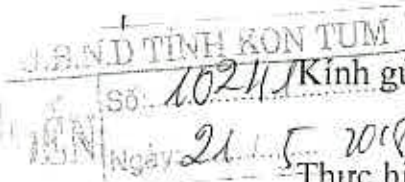


Lê Ngọc Tuấn

Số: 10211/BTNMT-TCQLDD

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2018

V/v đẩy nhanh tiến độ và báo cáo kết quả hoàn thành các nhiệm vụ về quản lý đất đai theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị quyết số 112/2015/QH13 của Quốc hội.



Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 112/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ nông trường, lâm trường quốc doanh do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp, ban quản lý rừng và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác sử dụng (dưới đây gọi là Chỉ thị số 11/CT-TTg). Để hoàn thành việc sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp trên phạm vi cả nước trong năm 2018 theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ tại Thông báo số 528/TB-VPCP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ; báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả hoàn thành nhiệm vụ về rà soát đất đai, đo đạc, cắm mốc, lập bản đồ địa chính, phê duyệt phương án sử dụng đất, thực hiện thủ tục cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các công ty nông, lâm nghiệp thực hiện sắp xếp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP và xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện Nghị quyết số 112/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội trong các năm tiếp theo, Bộ Tài nguyên và Môi trường đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện một số công việc sau:

1. Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Thuế, Ủy ban nhân dân các huyện có liên quan và các công ty nông, lâm nghiệp trên địa bàn ưu tiên nguồn lực, tập trung chỉ đạo, chủ động phối hợp để nhanh chóng hoàn thành việc phê duyệt phương án sử dụng phần đất các công ty giữ lại; hoàn thành thủ tục cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các công ty nông, lâm nghiệp. Tập trung nguồn lực cho công tác đo đạc, rà soát đất đai, xử lý các tồn tại, vướng mắc để xây dựng và triển khai thực hiện phương án sử dụng quỹ đất các công ty nông, lâm nghiệp, các nông, lâm trường bàn giao cho địa phương trong quá trình rà soát, sắp xếp.

2. Tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện và kết quả hoàn thành các nhiệm vụ về quản lý đất đai đến từng công ty đối với tất cả (100%) công ty nông, lâm nghiệp và chi nhánh thuộc đối tượng sắp xếp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP trên địa bàn (bao gồm cả các công ty đã thực hiện trước Nghị định số 118/2014/NĐ-CP nhưng phù hợp với quy định được kế thừa; các công ty thuộc trung ương và Bộ Quốc phòng quản lý, các công ty giải thể):

2.1. Tình hình thực hiện và kết quả hoàn thành nhiệm vụ về rà soát ranh giới, cắm mốc, lập bản đồ địa chính, lập phương án sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ..., trong đó thuyết minh cụ

thể, chi tiết tình hình phê duyệt phương án sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Số liệu kết quả tổng hợp theo mẫu biểu tại Phụ lục số 01a và Phụ lục số 01b kèm theo Công văn này.

2.2. Tình hình thực hiện và kết quả rà soát hiện trạng quản lý, sử dụng đất đối với phần đất các công ty nông, lâm nghiệp giữ lại và bàn giao về địa phương; trong đó thuyết minh cụ thể, chi tiết tình hình chuyển từ giao đất hoặc chưa xác định hình thức sang cho thuê đất; tình hình xử lý đất đang cho thuê, mượn, tranh chấp, bị cấp trùng, bị lấn, bị chiếm; xử lý các trường hợp cho thuê, cho mượn trái pháp luật và xử lý các vi phạm về đất đai; tình hình lập phương án sử dụng quỹ đất các công ty bàn giao về địa phương và giải quyết đất đai cho hộ gia đình, cá nhân không có đất hoặc thiếu đất, trong đó có đồng bào dân tộc thiểu số. Số liệu kết quả tổng hợp theo mẫu biểu tại Phụ lục số 02a và Phụ lục số 02b kèm theo Công văn này.

2.3. Đánh giá kết quả đã đạt được, chưa đạt được, tồn tại, hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân; các kiến nghị và đề xuất.

3. Tình hình triển khai, kết quả đã đạt được, chưa đạt được, tồn tại, hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân; các kiến nghị và đề xuất khi thực hiện nhiệm vụ về quản lý đất đai theo Nghị quyết số 112/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội (*trọng tâm là việc giải quyết tình hình tranh chấp đất đai; xử lý tình trạng lấn chiếm, chuyển nhượng, chuyển mục đích, cho thuê, cho mượn, giao khoán đất trái pháp luật, không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ tài chính; giải quyết các trường hợp tự ý xây dựng công trình, nhà ở, cư trú trái pháp luật trong phạm vi đất, rừng do các công ty nông, lâm nghiệp quản lý; thu hồi tài sản, đất đai và tài chính cho nhà nước; việc xây dựng và thực hiện phương án sử dụng quỹ đất các nông, lâm trường bàn giao cho địa phương trong quá trình rà soát, sắp xếp từ năm 2004 đến nay*); trong đó bao gồm nhiệm vụ xây dựng và thực hiện Đề án tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông trường, lâm trường quốc doanh giai đoạn 2016 - 2020 tại địa phương.

Các nội dung công việc trên đây được lập thành báo cáo, gửi về Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Tổng cục Quản lý đất đai) trước ngày 20 tháng 6 năm 2018 theo địa chỉ: Số 10, Tôn Thất Thuyết, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội; email: datt@monre.gov.vn; điện thoại: 024 36290204 để tổng hợp chung.

Đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai thực hiện, hoàn thành và gửi báo cáo đúng tiến độ thời gian nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để b/c);
- Các Sở TN&MT;
- Lưu VT, VP (TH), TCQLĐĐ (V140b).

ch ca

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Thị Phương Hoa

Phụ lục số 01a

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ XÁC ĐỊNH RANH GIỚI, CẢM MỐC, LẬP BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH, LẬP PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỐI VỚI
CÁC CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 118/2014/NĐ-CP (*)
(Kèm theo Công văn số /BTNMT-TCQLĐĐ ngày tháng năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)
 Tình đến ngày tháng năm 2018

Số TT	Đơn vị sử dụng đất	Diện tích đất rà soát, sắp xếp (Ha)		Khối lượng thực hiện các hạng mục																		Ghi chú (Tình hình giải thể, thành lập BQL rừng, mức độ KL hoàn thành...)			
		Tổng diện tích trước rà soát	Trong đó:	Rà soát, xác định ranh giới				Lập (chỉnh lý) bản đồ địa chính (Ha)				Cấp Giấy chứng nhận								Hạng mục khác...			Tình hình lập, phê duyệt phương án sử dụng đất (**)		
				Rà soát ranh giới (Km)		Cảm mốc (Mốc)		Tỷ lệ ...		Tỷ lệ ...		Cấp lần đầu				Cấp đổi, cấp biến động				KL nhu cầu	KL đã thực hiện				
				KL nhu cầu	KL đã thực hiện	KL nhu cầu	KL đã thực hiện	KL nhu cầu	KL đã thực hiện	KL nhu cầu	KL đã thực hiện	Diện tích (ha)	Số Giấy (Giấy)	Diện tích (ha)	Số Giấy (Giấy)	Diện tích (ha)	Số Giấy (Giấy)	Diện tích (ha)	Số Giấy (Giấy)						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	
I	Trung ương																								
A	Công ty nông nghiệp																								
	1 Công ty ...																								
	2																								
B	Công ty lâm nghiệp																								
	1 Công ty ...																								
	2																								
II	Địa phương																								
A	Công ty nông nghiệp																								
	1 Công ty ...																								
	2																								
B	Công ty lâm nghiệp																								
	1 Công ty ...																								
	2																								

(*) Lưu ý:
 - Tổng hợp theo từng công ty đối với tất cả (100%) công ty và chi nhánh có đất tại địa phương, bao gồm cả các công ty đã thực hiện sắp xếp trước Nghị định số 118/2014/NĐ-CP nhưng phù hợp với quy định được kế thừa, các công ty thuộc trung ương và Bộ Quốc phòng quản lý, các công ty giải thể.
 - Số liệu diện tích giữ lại và bàn giao về địa phương lấy theo kết quả đo đạc mới nhất, trên cơ sở phương án sử dụng đất đã phê duyệt hoặc đang trình phê duyệt; trường hợp chưa phê duyệt hoặc trình phê duyệt thì lấy theo thông tin hiện trạng khi đo đạc có đối chiếu, rà soát với phương án tổng thể sắp xếp công ty.

(**) Ghi: "Đã phê duyệt", "Đang trình phê duyệt", "Đang thẩm định", "Chưa lập"...

Ngày tháng năm 2018
 NGƯỜI LẬP BIỂU
 (Ký, ghi rõ họ tên)
 Số điện thoại liên hệ

Ngày tháng năm 2018
 SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
 (Ký, ghi rõ họ tên)

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH BỐ TRÍ KINH PHÍ VÀ GIẢI NGÂN
NHIỆM VỤ XÁC ĐỊNH RANH GIỚI, CẤM MỐC, LẬP BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỐI VỚI
CÁC CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 118/2014/NĐ-CP(*)

(Kèm theo Công văn số /BTNMT-TCQLĐĐ ngày tháng năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)
 Tính đến ngày tháng năm 2018

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Đơn vị sử dụng đất	Nhu cầu kinh phí (theo TKKT-DT phê duyệt hoặc điều chỉnh)						Kinh phí đã bố trí				Kinh phí đã giải ngân (tạm ứng, nghiệm thu)				Kinh phí chưa bố trí		Ghi chú (Ghi tình trạng bố trí trước hay theo ND 118; tình trạng tạm ứng hay quyết toán)
		Tổng	Lưới địa chính	Xác định ranh giới, cấm mốc	Lập, chỉnh lý BĐDC	Cấp GCN	Hạng mục khác...	Cộng	NSTW hỗ trợ	NSĐP	Nguồn khác	Cộng	NSTW hỗ trợ	NSĐP	Nguồn khác	NSTW hỗ trợ	NSĐP	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A	Trung ương																	
I	Công ty nông nghiệp																	
1	Công ty...																	
2																	
II	Công ty lâm nghiệp																	
1	Công ty...																	
2																	
B	Địa phương																	
I	Công ty nông nghiệp																	
1	Công ty...																	
2																	
II	Công ty lâm nghiệp																	
1	Công ty...																	
2																	

(*) Lưu ý: Tổng hợp theo từng công ty đối với tất cả (100%) công ty và chi nhánh có đất tại địa phương, bao gồm cả các công ty thuộc trung ương và Bộ Quốc phòng quản lý, các công ty giải thể.

Ngày tháng năm 2018

Người lập biểu

(Ký, ghi rõ họ tên)

Số điện thoại liên hệ

Ngày tháng năm 2018

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 02a

HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT ĐỐI VỚI PHẦN ĐẤT CÁC CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP GIỮ LẠI KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 118/2014/NĐ-CP (*)

(Kèm theo Công văn số /BTNMT-TCQLĐĐ ngày tháng năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)
 Tính đến ngày tháng năm 2018

Đơn vị tính: Ha

Số TT	Đơn vị sử dụng đất	Tổng cộng	Hiện trạng quản lý, sử dụng phần diện tích đất giữ lại (hoặc dự kiến giữ lại)																								Ghi chú	
			Loại đất														Trạng thái pháp lý			Tình trạng sử dụng								
			Đất nông nghiệp						Đất phi nông nghiệp								Đất chưa sử dụng	Nhà nước giao đất	Nhà nước cho thuê đất	Chưa xác định hình thức giao, thuê	Tự tổ chức sản xuất	Giao khoán theo ND01, 135	Giao khoán khác	Liên doanh liên kết	Cho thuê, mượn	Đang có tranh chấp, bị cấp trưng		Đang bị lấn, chiếm
			Công	Đất rừng SX là rừng trồng	Đất rừng SX là rừng tự nhiên	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng phòng hộ	Đất NN còn lại	Công	Đất ở	Đất XD công trình sự nghiệp và SXKD PNN	Đất sử dụng vào mục đích công, công	Đất làm nghĩa trang, ngôi, nhà lang tế, NHT	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	Đất phi nông nghiệp còn lại												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
I	Trung ương																											
1	Công ty nông nghiệp																											
1.1	Công ty...																											
1.2																											
II	Công ty lâm nghiệp																											
1.1	Công ty...																											
1.2																											
II	Địa phương																											
1	Công ty nông nghiệp																											
1	Công ty...																											
2																											
II	Công ty lâm nghiệp																											
1	Công ty...																											
2																											

(*) Lưu ý:

- Tổng hợp theo từng công ty đối với tất cả (100%) công ty và chi nhánh có đất tại địa phương, bao gồm cả các công ty đã thực hiện sắp xếp trước Nghị định số 118/2014/NĐ-CP nhưng phù hợp với quy định được kế thừa, các công ty thuộc trung ương và Bộ Quốc phòng quản lý, các công ty giải thể.
- Số liệu diện tích lấy theo kết quả đo đạc mới nhất, trên cơ sở phương án sử dụng đất đã phê duyệt hoặc đang trình phê duyệt; trường hợp chưa phê duyệt hoặc trình phê duyệt thì lấy theo thông tin hiện trạng khi đo đạc có đối chiếu, rà soát với phương án tổng thể sắp xếp công ty.

Ngày tháng năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

Số điện thoại liên hệ

Ngày tháng năm 2018

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số 02b

**HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG ĐẤT ĐỐI VỚI PHẦN ĐẤT CÁC CÔNG TY NÔNG, LÂM NGHIỆP BÀN GIAO VỀ ĐỊA PHƯƠNG
KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 118/2014/NĐ-CP (*)**

(Kèm theo Công văn số /BTNMT-TCQLĐĐ ngày tháng năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)
Tính đến ngày tháng năm 2018

Đơn vị tính: Ha

Số TT	Đơn vị sử dụng đất	Hiện trạng quản lý, sử dụng phần diện tích đất bàn giao về địa phương (hoặc dự kiến bàn giao)																				Phương án sử dụng phần đất bàn giao về địa phương							
		Tổng cộng	Loại đất hiện trạng														Hiện trạng sử dụng						Giao cho HGD-CN			Tình trạng phê duyệt PASD đất (**)			
			Đất nông nghiệp						Đất phi nông nghiệp								Đất CSD hoặc không sử dụng	Tu tở chức sảu	Giao khoán theo NĐ1135	Giao khoán khác	Liên doanh liên kết	Cho thuê, mượn	Đang có tranh chấp, bị cấp trưng	Đang bị lấn, chiếm	Tổng		Trong đó: Giao cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số	Giao cho tổ chức	Giữ lại chưa giao
			Công	Đất rừng SX là rừng trồng	Đất rừng SX là rừng tự nhiên	Đất rừng đặc dụng	Đất rừng phòng hộ	Đất NN còn lại	Công	Đất ở	Đất XD công trình sự nghiệp và SXKD PNN	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHTT	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Đất có mặt nước chuyên dùng	Đất phi nông nghiệp còn lại													
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30		
I	Trung ương																												
1	Công ty nông nghiệp																												
1.1	Công ty...																												
1.2																												
II	Công ty lâm nghiệp																												
1.1	Công ty...																												
1.2																												
II	Địa phương																												
1	Công ty nông nghiệp																												
1	Công ty...																												
2																												
II	Công ty lâm nghiệp																												
1	Công ty...																												
2																												

(*) Lưu ý:

- Tổng hợp theo từng công ty đối với tất cả (100%) công ty và chi nhánh có đất tại địa phương, bao gồm cả các công ty đã thực hiện sắp xếp trước Nghị định số 118/2014/NĐ-CP nhưng phù hợp với quy định được kế thừa, các công ty thuộc trung ương và Bộ Quốc phòng quản lý, các công ty giải thể.
- Số liệu diện tích lấy theo kết quả đo đạc mới nhất, trên cơ sở phương án sử dụng đất đã phê duyệt hoặc đang trình phê duyệt; trường hợp chưa phê duyệt hoặc trình phê duyệt thì lấy theo thông tin hiện trạng khi đo đạc có đối chiếu, rà soát với phương án tổng thể sắp xếp công ty. Công ty đã đo đạc phần đất bàn giao về địa phương thì đánh dấu (*) vào sau tên công ty.
- Các công ty dự kiến bàn giao thì đánh dấu (*) vào sau tên công ty.

() Ghi:** "Đã phê duyệt", "Đang trình phê duyệt", "Đang thẩm định", "Chưa lập"...

Ngày tháng năm 2018
NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)
Số điện thoại liên hệ

Ngày tháng năm 2018
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ký, ghi rõ họ tên)